

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/8/2020

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ**

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Bùi Lan Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Trương Thị Thìn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Trần Nhân** – Cán bộ Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thúy Duyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 256/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lương Hồng P**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố Long Đức 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Bà **Võ Thanh T**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố Long Đức 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

(Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt; còn bà T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn – ông Lương Hồng P trình bày:

Ông và bà Võ Thanh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, trên cơ sở cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là phường T), TP. B, tỉnh Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nên ông và

bà T đã sống ly thân gần 01 năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung tên là Lương Gia H, sinh ngày 17/01/2015. Nay ly hôn, ông đồng ý giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng vì từ trước đến nay cháu vẫn ở với bà T, hàng tháng ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Võ Thanh T:

Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Võ Thanh T vẫn vắng mặt không rõ lý do, còn ông Lương Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P và bà T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lương Hồng P và bà Võ Thanh T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2013, trên cơ sở cả hai tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là phường T), TP. B, tỉnh Đ nên căn cứ các Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, ông P khởi kiện vụ án xin ly hôn nên căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của ông P nhận thấy:

Ông P xin ly hôn bà T với lý do vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông và bà T đã sống ly thân với nhau gần 01 năm nay,

không ai còn quan tâm đến ai. Về phía bà T mặc dù đã được Tòa án nhân dân TP. B đã triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của ông P. Do bà T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải đoàn tụ được.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được động viên hòa giải nhiều lần nhưng ông P vẫn kiên quyết xin ly hôn với bà T. Điều này thể hiện mâu thuẫn giữa ông P và bà T đã trầm trọng, cả hai không cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể hàn gắn, đoàn tụ, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông P.

[4] Về con chung: Ông P và bà T có 01 con chung là cháu Lương Gia H, sinh ngày 17/01/2015. Xét thấy cháu H từ trước đến nay ở với bà T và ông P cũng đồng ý giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng nên để ổn định cuộc sống của cháu H, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng và phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, do bà T không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến về phần cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện của ông P cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông P trình bày thì về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận và nợ chung ông bà không có. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của bà T về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Ông P phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, riêng bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P; Về con chung: Đề nghị giao cháu Lương Gia H, sinh ngày 17/01/2015 cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng; ông P cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung và nợ chung: đề nghị tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu; Về án phí: Ông P phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 và Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lương Hồng P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Hồng P được ly hôn với bà Võ Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Gia H, sinh ngày 17/01/2015 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông P cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000đ/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P không thi hành án số tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lương Hồng P phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0007800 ngày 30/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đ. Ông P phải nộp tiếp số tiền 300.000đ.

5. Ông P và bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND TP.B;
- THADS TP.B;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu (3).

Bùi Lan Hương